

Số: /TTr-UBND

Krông Nô, ngày tháng 7 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công
giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện**

Kính gửi: HĐND huyện Krông Nô khóa VIII, kỳ họp thứ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

Để đảm bảo việc quản lý Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn theo đúng quy định của Luật đầu tư công; Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện như sau:

1. Điều chỉnh giảm: 26.760 triệu đồng cụ thể như sau:

1.1. Nguồn vốn tinh phân cấp: 4.036 triệu đồng cho 04 danh mục công trình, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Trụ sở xã Đức Xuyên với số tiền là 07 triệu đồng, lý do hết nhiệm vụ chi.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Trường THCS Tân Thành với số tiền là 36 triệu đồng, lý do hết nhiệm vụ chi.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Nhà văn hoá xã Đức Xuyên với số tiền là 2.800 triệu đồng do công trình được bố trí vốn đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giao về cho xã thực hiện.

- Điều chỉnh giảm nguồn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công với số tiền là 1.193 triệu đồng để đối ứng cho các công trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

1.2. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 22.724 triệu đồng, 05 danh mục công trình bao gồm:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Đường B1, B2, B4, Đ10E, N3 nối dài với số tiền là 1.118 triệu đồng, lý do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, không thể thực hiện đầu tư xây dựng được.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Đường giao thông N5 (nối từ N7-N13) với số tiền là 1.066 triệu đồng, lý do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, không thể thực hiện đầu tư xây dựng được.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Đường vào trụ sở Ban CHQS huyện với số tiền là 05 triệu đồng, lý do hết nhiệm vụ chi.

- Điều chỉnh giảm nguồn chi đền bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện với số tiền là 18.072 triệu đồng, do phân khai chi tiết cho các công trình có chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; bổ sung đối ứng với công trình vốn ngân sách tỉnh (công trình: Hồ Đắc Lưu xã Tân Thành, huyện Krông Nô; Đường tránh thao trường và tái định canh cho hộ gia đình bị giải tỏa xây dựng Thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh; Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô) và giảm do theo quy định của Luật Đầu tư công thì chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phải được tính chung trong tổng mức đầu tư của từng dự án đối với dự án nhóm B, nhóm C không được tách riêng.

- Điều chỉnh giảm nguồn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công với số tiền là 2.463 triệu đồng để đối ứng với một số công trình nguồn vốn tỉnh hỗ trợ và bổ sung cho công trình cấp thiết cần đầu tư xây dựng và đối ứng đối với các công trình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

1.3. Lý do điều chỉnh giảm: là do các công trình bố trí vốn để thanh toán nợ nhưng hết nhu cầu thanh toán, giảm thầu và chỉ định thầu, giảm chi phí dự phòng, giá trị quyết toán công trình hoàn thành giảm, một số công trình do vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, không triển khai thực hiện đầu tư xây dựng được; phân khai chi tiết cho các công trình có chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; bổ sung đối ứng với công trình vốn ngân sách tỉnh (công trình: Hồ Đắc Lưu xã Tân Thành, huyện Krông Nô; Đường tránh thao trường và tái định canh cho hộ

gia đình bị giải toả xây dựng Thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh; Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô) và giảm do theo quy định của Luật đầu tư công thì chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phải được tính chung trong tổng mức đầu tư của từng dự án đối với dự án nhóm B, nhóm C không được tách riêng; giảm nguồn dự phòng để bố trí vốn đối ứng cho một số công trình nguồn vốn tỉnh hỗ trợ cho huyện và công trình cấp thiết cần đầu tư và đối ứng đối với các công trình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Điều chỉnh tăng: 34.060 triệu đồng, cụ thể như sau

2.1. Nguồn vốn tỉnh phân cấp: 4.036 triệu đồng 06 danh mục công trình, cụ thể như sau:

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Trường THCS Năm Nung để thanh toán nợ: 43 triệu đồng do điều chỉnh kế hoạch vốn đã bố trí cho các công trình thanh toán nợ trong năm 2022 hết nhu cầu thanh toán.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị với số tiền là 142 triệu đồng và công trình: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề với số tiền là 301 triệu đồng. Lý do: để đối ứng với nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Nhà văn hoá xã Đăk Nang với số tiền là 1.500 triệu đồng và công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Buôn Choah, xã Buôn Choah với số tiền là 1.050 triệu đồng. Lý do là để đối ứng với nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Cổng chào điện tử, công hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm với số tiền là 1.000 triệu đồng. Lý do lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ để thực hiện đầu tư cho công trình.

2.2. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 22.724 triệu đồng, 07 danh mục công trình, cụ thể như sau:

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Trường MN Hoa Pơ Lang với số tiền là 93 triệu đồng, do điều chỉnh kế hoạch vốn đã bố trí cho các công trình thanh toán nợ trong năm 2022 hết nhu cầu thanh toán và vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để bố trí cho công trình còn nhu cầu thanh toán.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Trường THCS Lý Tự Trọng với số tiền là 59 triệu đồng, do điều chỉnh kế hoạch vốn đã bố trí cho các công trình thanh toán nợ trong năm 2022 hết nhu cầu thanh toán và vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để bố trí cho công trình còn nhu cầu thanh toán.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho các công trình: Đường Võ Văn Kiệt, Trần Hưng Đạo với số tiền 3.704 triệu đồng; Trụ sở HĐND&UBND huyện Krông Nô, hạng mục: Cải tạo trụ sở làm việc với số tiền 2.500 đồng. Lý do hai công trình cấp thiết cần được đầu tư.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Dự án chỉnh trang khu dân cư đô thị phía sau tiệm vàng Hồng Bình với số tiền: 18 triệu đồng; Trung tâm xã Đức Xuyên, hạng mục: Xây trụ sở HĐND&UBND xã Đức Xuyên với số tiền: 62 triệu đồng; Cụm công nghiệp huyện Krông Nô với số tiền: 1.045 triệu đồng; Trung tâm cụm xã Đăk Nang, hạng mục: Giải phòng mặt bằng khuôn viên trụ sở HĐND&UBND xã Đăk Nang với số tiền: 2.503 triệu đồng. Lý do là để thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Đường tránh Thao trường và tái định canh cho hộ gia đình bị giải toả xây dựng Thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh với số tiền 1.365 triệu đồng; Hồ Đăk Lưu, xã Tân Thành, huyện Krông Nô với số tiền: 675 triệu đồng; Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô với số tiền: 800 triệu đồng. Lý do là để đối ứng với các công trình vốn tỉnh để thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và thanh toán nợ công trình.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quỹ đất (khu vực cánh đồng La Trao) với số tiền 1.500 triệu đồng, lý do tăng tổng mức đầu tư.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đăk Mâm với số tiền: 6.500 triệu đồng. Lý do lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ để thực hiện đầu tư cho công trình.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Đầu tư xây dựng đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho 02 thôn Phú Hòa và Phú Vinh, xã Quảng Phú với số tiền: 1.900 triệu đồng. Lý do để đối ứng với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để xây dựng công trình.

2.3. Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên và tỉnh hỗ trợ: 7.300 triệu đồng, 04 danh mục công trình, cụ thể như sau:

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình Trường tiểu học Kim Đồng với số tiền: 400 triệu đồng và công trình: Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi với số tiền: 400 triệu đồng. Lý do là để đối ứng với nguồn Tài trợ của quỹ cộng đồng phòng tránh thiên tai.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đăk Mâm với số tiền là 3.500 triệu. Lý do tăng nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Công chào điện tử, công hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đắc Mâm với số tiền là 3.000 triệu đồng. Lý do tăng nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

2.4. Lý do điều chỉnh:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của một số danh mục thanh toán nợ nhưng hết nhu cầu thanh toán, giảm thầu và chi phí dự phòng vốn và điều chỉnh giảm một số công trình đã bố trí nguồn vốn nhưng do vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và một số công trình cấp thiết đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 cho nên điều chỉnh, bổ sung tăng thêm một số công trình.

- Điều chỉnh tăng cho một số công trình là để thanh toán nợ, chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, các công trình cấp thiết cần đầu tư và để đối ứng với các công trình thực hiện đầu tư từ nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Điều chỉnh tăng thêm nguồn vốn tăng thu tiết kiệm chi thường xuyên và tỉnh hỗ trợ để thực hiện đầu tư một số công trình cấp thiết. Lý do: nguồn tiết kiệm chi và nguồn vốn tỉnh hỗ trợ tăng để thực hiện đầu tư đúng quy định của Luật đầu tư công và điểm a, Khoản 2, Điều 2 Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

Với những nội dung như trên, UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy (b/c);
- TT. Hội đồng Nhân dân huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Phòng TC-KH;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT (TH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Ngọc Sơn

PHỤ BIỂU 01
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
(Kèm theo Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Krông Nô)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 theo NQ số 168/NQ-HĐND ngày 17/12/2020	Kế hoạch vốn gian đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ (1+2+3)	317.354	26.760	34.060	324.655	
1	Vốn tỉnh phân cấp theo điểm số phân bổ	81.457	4.036	4.036	81.457	
	Trong đó:					
-	Bổ trí thanh toán nợ các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	7.590	7	-	7.583	
-	Bổ trí các dự án, công trình mở mới	69.795	2.836	4.036	70.995	
-	Nguồn vốn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công	4.072	1.193		2.879	
2	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	202.397	22.724	22.724	202.397	
	Trong đó:					
-	Bổ trí thanh toán nợ các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	14.387	2.189	-	12.198	
-	Bổ trí các dự án, công trình mở mới	63.711	18.072	22.724	68.363	
-	Trích lập Quỹ phát triển đất để chuyển về quỹ đất tỉnh (20% theo NQ số 04/2018/NQ-HĐND tỉnh)	45.001		-	45.001	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thực hiện Chương trình NMT trên địa bàn các xã	69.174		-	69.174	
-	Nguồn vốn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công	10.124	2.463		7.661	
3	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi thường xuyên và hỗ trợ	33.500		7.300	40.800	
4	Danh mục các dự án cấp thiết đầu tư nhưng chưa cân đối được nguồn vốn	275.592	3.000	-	272.592	<i>Chưa cân đối được nguồn</i>

PHỤ BIỂU 02
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN
(Kèm theo Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Krông Nô)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG (I+II+III)				394.637	317.354	26.760	34.060	485.245	324.655	
I	VỐN ĐẦU TƯ TỈNH PHÂN CẤP				122.292	81.457	4.036	4.036	138.218	81.457	
1	Thanh toán nợ các Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				34.607	7.590	7	-	34.607	7.583	
1.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				18.908	2.676	-	-	18.908	2.676	
1.1.1	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Xây mới thêm 10 phòng học 2 tầng, thiết bị	3021/QĐ ngày 31/10/2018	4.932	403			4.932	403	
1.1.2	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Đăk Drô	Xây dựng 03 phòng học và nhà hiệu bộ	3287/QĐ ngày 13/11/2019	4.509	1.689			4.509	1.689	
1.1.3	Trường TH Kim Đồng	Xã Năm N'Đir	Nhà lớp học 10 phòng 2 tầng	3019/QĐ ngày 31/10/2018	4.467	340			4.467	340	
1.1.4	Trường Tiểu học Lê Lợi, xã Năm Xuân	Xã Năm Xuân	Nhà lớp học 08 phòng, 2 tầng.	2197/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	5.000	244			5.000	244	
1.2	Lĩnh vực giao thông				2.833	373	-	-	2.833	373	
1.2.1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường huyện Đăk Mâm - Năm Nung - Năm N'đir (đoạn trung tâm xã Năm Nung)	Xã Năm Nung	Nâng cấp mở rộng 2km mặt đường láng nhựa	3011/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.833	373			2.833	373	
1.3	Lĩnh vực Thủy lợi				3.564	973	-	-	3.564	973	
1.3.1	Kè Chống sạt lở suối Đăk Nang	Xã Đăk Nang	800 m	2950/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	2.200	204			2.200	204	
1.3.2	Trạm bơm điện bon Choih xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên		2049/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	1.364	769			1.364	769	
1.4	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước				9.302	3.568	7	-	9.302	3.561	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025		
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
1.4.1	Trụ sở xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Xây dựng trụ sở	2953/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9.302	3.568		7		9.302	3.561	
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				87.685	69.795		2.836	4.036	103.611	70.995	
2.1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nghề nghiệp				22.100	20.006		36	486	29.048	20.456	
2.1.1	Trường THCS Tân Thành	Xã Tân Thành	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2952/QĐ-UBND ngày 09/11/2020	4.000	3.946		36		4.000	3.910	
2.1.2	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500	3.260				4.500	3.260	Vốn lồng ghép NS thu tiền sử dụng đất
2.1.3	Trường TH Lê Văn Tám (phân hiệu Tân Lập)	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	5046/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	3.700	3.500				3.700	3.500,00	
2.1.4	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	4878/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.700	3.500			43	3.700	3.542,83	
2.1.5	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Xã Tân Thành	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	214/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	3.700	3.600				3.700	3.600	
2.1.6	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ	230/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.200				2.500	2.200	
2.1.7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	TT Đăk Mâm	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.						142	2.239	142	Đổi ứng với nguồn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 2.036 triệu đồng
2.1.8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	TT Đăk Mâm	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.						301	4.709	301	Đổi ứng với nguồn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 4.408 triệu đồng
2.2.	Lĩnh vực văn hoá				6.000	4.300		2.800	2.500	10.000	4.000	
2.2.1	Nhà văn hoá xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Hội trường 200 chỗ ngồi	240/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	3.000	2.800		2.800			0	Đã được đầu tư từ nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới đã giao cho xã thực hiện

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.2.2	Nhà văn hoá xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Hội trường 200 chỗ ngồi	243/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	3.000	1.500			3.000	1.500	Đổi ứng với nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 1.500 trđ.
2.2.3	Nhà văn hoá xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Hội trường 200 chỗ ngồi					1.500	3.000	1.500	Đổi ứng với nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 1.500 trđ.
2.2.4	Cổng chào điện tử, cổng hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Xây dựng 01 cổng chào điện tử; 03 cổng hoa, 02 cụm đèn led trang trí					1.000	4.000	1.000	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ
2.3	Lĩnh vực giao thông				18.700	14.041	-	-	18.690	14.041	
2.3.1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông vào hội trường thôn Đăk Vượng	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, cải tạo 600m đường giao thông nông thôn, cấp B.	245/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.400	1.366			1.400	1.366	
2.3.2	Đường giao thông nông thôn bon Yôk Rlinh	TT Đăk Mâm	Nâng cấp 650m đường giao thông nông thôn, cấp B.	224/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.300	1.200			1.300	1.200	
2.3.3	Đường thôn Nam Hợp đi suối Bong	xã Nam Xuân	BT 2 km, nền đường	4720/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	5.000	4.750			4.990	4.750	
2.3.4	Đường N6, Đ3 xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Nâng cấp 850m đường giao thông.	237/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.155			2.500	2.155	
2.3.5	Đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận	Xã Nam Đà	Nâng cấp 2,5km đường giao thông nông thôn, cấp A	236/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	8.500	4.570			8.500	4.570	
2.4	Lĩnh vực cấp, thoát nước				11.996	7.560	-	1.050	16.996	8.610	
2.4.1	Công trình cấp nước tập trung thôn Đăk Sơn	Xã Nam Xuân	Cấp nước 200 hộ	5145/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	4.996	4.770			4.996	4.770	
2.4.2	Công trình cấp nước Bon Đăk Prí, xã Nam N'Dir	xã Nam N'Dir	Cấp nước 350 hộ	235/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	7.000	2.790			7.000	2.790	
2.4.3	Công trình cấp nước sinh tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Xây mới công trình cấp nước cho khoảng 250 hộ dân					1.050	5.000	1.050	Đổi ứng với nguồn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 1.050 trđ và CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2.900 trđ.
2.5	Lĩnh vực Thủy lợi				6.800	5.010	-	-	6.800	5.010	
2.5.1	Trạm bơm điện thôn Ninh Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Tưới bổ trợ cho 40 ha	234/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	3.300			5.000	3.300	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.5.2	Kênh chính và kênh đất cánh đồng bon Choih	Xã Đức Xuyên	Nâng cấp sửa chữa 1.300m kênh	233/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.710	0		1.800	1.710	
2.6	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước				1.089	1.028	-	-	1.089	1.028	
2.6.1	Trụ sở làm việc HĐND&UBND huyện	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, sửa chữa kho lưu trữ của huyện	3106/QĐ-UBND ngày 02/12/2020	1.089	1.028			1.089	1.028	
2.7	Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng				21.000	17.850	-	-	20.987	17.850	
2.7.1	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Drô	Xã Đăk Drô	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	5066/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.000	1.900			2.000	1.900	
2.7.2	Trụ làm việc Công an xã Năm Nung	Xã Năm Nung	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	4703/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	2.000	1.900			2.000	1.900	
2.7.3	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	225/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.000	1.900			2.000	1.900	
2.7.4	Trụ sở làm việc Công an xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	215/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.000	1.800			2.000	1.800	
2.7.5	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Sôr	Xã Đăk Sôr	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	223/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.000	1.000			2.000	1.000	
2.7.6	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	221/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.000	1.800			2.000	1.800	
2.7.7	Trụ sở làm việc Công an xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	218/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.000	1.900			2.000	1.900	
2.7.8	Trụ sở làm việc Công an xã Năm N'Điir	Xã Năm N'Điir	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	220/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.000	1.800			2.000	1.800	
2.7.9	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	219/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.000	1.000			2.000	1.000	
2.7.10	Nhà làm việc xã đội Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà làm việc cấp IV	5067/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	1.000	950			987	950	
2.7.11	Nhà làm việc xã đội xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Nhà làm việc cấp IV	217/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	950			1.000	950	
2.7.12	Nhà làm việc xã đội xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Nhà làm việc cấp IV	216/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	950			1.000	950	
3	Nguồn vốn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công					4.072	1.193			2.879	<i>Giảm để đối ứng cho các công trình thực hiện CT MTQG giảm nghèo bền vững, và đầu tư công trình cấp thiết</i>
II	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT					234.859	202.397	22.724	22.724	295.027	202.397

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Trích lập Quỹ phát triển đất để chuyển về quỹ đất tỉnh (20% theo NQ số 04/2018/NQ-HĐND tỉnh)				45.001	45.001			45.001	45.001	
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thực hiện Chương trình NMT trên địa bàn các xã	Toàn huyện			69.174	69.174			69.174	69.174	
3	Thanh toán nợ các Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				40.693	14.387	2.189	-	35.304	12.198	
3.1	<i>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>				<i>6.700</i>	<i>445</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>6.700</i>	<i>445</i>	
3.1.1	Trường TH Nguyễn Viết Xuân, xã Buôn Chóah	Buôn Choah	Cổng, tường rào, sân bê tông và nhà vệ sinh	3286/QĐ ngày 13/11/2019	1.500	120			1.500	120	
3.1.2	Trường THCS Buôn Choah	Xã Buôn Choah	08 phòng học 2 tầng	2954, ngày 29/10/2019	5.200	325			5.200	325	
3.2	<i>Lĩnh vực giao thông</i>				<i>17.872</i>	<i>3.504</i>	<i>2.189</i>	<i>-</i>	<i>12.483</i>	<i>1.315</i>	
3.2.1	Đường B1, B2, B4, Đ10E, N3 nối dài	TT Đăk Mâm	1.200 m nhựa, HTTN	3016, ngày 31/10/2018	6.850	1.185	1.118		6.850	67	Do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng không thể thực hiện được
3.2.2	Nâng cấp đường giao thông nội bon Broih, thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Nền, móng, mặt đường và HTTN	3021/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	1.000	200			1.000	200	
3.2.3	Đường Giao thông N5 (nối từ N7-N13)	TT Đăk Mâm	Nền, móng, mặt đường và HTTN	2470/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	5.389	1.066	1.066			0	Do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng không thể thực hiện được
3.2.5	Đường vào Trụ sở Ban CHQS huyện	TT Đăk Mâm	Đền bù GPMB; Nền, mặt đường láng nhựa và HTTN, chiều dài 207m	2690/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	4.633	1.053	5		4.633	1.048	
3.3	<i>Lĩnh vực Quản lý Nhà nước</i>				<i>16.121</i>	<i>10.438</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>16.121</i>	<i>10.438</i>	
3.3.1	Trụ sở xã Đứk Xuyên	Xã Đứk Xuyên	Xây dựng trụ sở	2953/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9.302	3.619			9.302	3.619	
3.3.2	Hoàn trả nguồn vốn đền bù Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện (đợt 1)	TT Đăk Mâm		4166/QĐ-UBND ngày 26/12/2019	6.819	6.819			6.819	6.819	
4	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				79.991	63.711	18.072	22.724	145.548	68.363	
4.1	<i>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>				<i>15.500</i>	<i>9.402</i>	<i>-</i>	<i>152</i>	<i>15.484</i>	<i>9.554</i>	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.1.1	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500	1.191	0		4.500	1.191	Vốn lồng ghép NS tỉnh phân cấp năm 2021
4.1.2	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Năm Nung	Nhà hiệu bộ	5069/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.500	2.381		93	2.484	2.474	
4.1.3	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Nam Xuân	Nhà tập đa năng	5152/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	3.500	3.330		59	3.500	3.389	
4.1.4	Trường TH Trần Phú.	TT Đăk Mâm	Nhà hiệu bộ	213/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	1.250			2.500	1.250	
4.1.5	Trường Mầm Non Hương Dương	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ	212/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	1.250			2.500	1.250	
4.2	Lĩnh vực Văn hóa				5.000	3.738	-	-	5.000	3.738	
4.2.1	Sân vận động huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp khoảng 25.000m ²	241/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	3.738			5.000	3.738	
4.3	Lĩnh vực giao thông				22.400	17.830	-	3.704	29.400	21.534	
4.3.1	Đường giao thông C1,C2,C3 và N11	TT Đăk Mâm	Xây dựng mới 610m đường giao thông theo tiêu chuẩn đường đô thị.	244/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	6.300	5.985			6.300	5.985	
4.3.2	Đường giao thông B1,B3,Đ10E và N11	TT Đăk Mâm	Xây dựng mới 500m đường giao thông theo tiêu chuẩn đường đô thị.	242/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.100	4.845			5.100	4.845	
4.3.3	Đường đô thị nối từ đường vào Đài truyền thanh huyện với đường Huỳnh Thúc Kháng	TT Đăk Mâm	Xây dựng mới 590m đường giao thông theo tiêu chuẩn đường đô thị.	238/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	7.000	5.000			7.000	5.000	
2.3.7	Đường từ thôn Xuyên Hà đến cống ngầm Đăk Nang	Xã Đứk Xuyên	Nâng cấp 2km đường giao thông nông thôn, cấp B.	232/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	2.000			4.000	2.000	
2.3.8	Đường Võ Văn Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống điện		Nâng cấp, cải tạo 0,7km đường đô thị.					3.704	7.000	3.704	
4.4	Lĩnh vực Thủy lợi				12.304	7.954	-	-	12.304	7.954	
4.4.1	Kênh nội đồng cánh đồng xã Đăk Drô	Xã Đăk Drô	1205,71m kênh	5068/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	3.404	3.404			3.404	3.404	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.4.2	Nâng cấp tuyến kênh chính về nhà ông Doãn Văn Dự, xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 1.200m kênh.	247/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.900	1.450			2.900	1.450	
4.4.3	Xây mới tuyến kênh 327, xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Đầu tư khoảng 700m kênh.	253/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.000			1.800	1.000	
4.4.4	Nâng cấp kênh chính và kênh đất cánh đồng thôn Bình Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Nâng cấp 2.000m kênh	246/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.200	2.100			4.200	2.100	
4.5	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước				18.876	18.876	18.072	8.968	58.949	9.772	
4.5.1	Chi đền bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện	Toàn huyện	Đền bù GPMB		18.876	18.876	18.072			804	
4.5.2	Dự án chỉnh trang khu dân cư đô thị phía sau tiệm vàng Hồng Bình	TT Đăk Mâm	Đền bù GPMB					18	1.156	18	
4.5.3	Trung tâm xã Đức Xuyên, hạng mục: Xây trụ sở HĐND&UBND xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Đền bù GPMB					62	1.297	62	
4.5.4	Cụm công nghiệp huyện Krông Nô	Xã Đăk Drô	Đền bù GPMB					1.045	1.045	1.045	
4.5.5	Trung tâm cụm xã Đăk Nang, hạng mục: Giải phóng mặt bằng khuôn viên trụ sở HĐND & UBND xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Đền bù GPMB					2.503	2.512	2.503	
4.5.6	Đường tránh thao trường và tái định canh cho hộ gia đình bị giải toả xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	Xã Đức Xuyên						1.365	21.000	1.365	Phân khai từ nguồn đền bù giải phóng mặt bằng để đối ứng công trình vốn tỉnh
4.5.7	Hồ Đăk Lưu xã Tân Thành huyện Krông Nô	Xã Tân Thành						675	9.438	675	Phân khai từ nguồn đền bù giải phóng mặt bằng để đối ứng công trình vốn tỉnh
4.5.8	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô	Xã Nam Đà, Đăk Drô						800	20.000	800	Phân khai từ nguồn đền bù giải phóng mặt bằng để đối ứng công trình vốn tỉnh
4.5.9	Trụ sở HĐND &UBND huyện Krông Nô, Hạng mục: Cải tạo trụ sở làm việc	TT Đăk Mâm	Cải tạo trụ sở làm việc					2.500	2.500	2.500	
4.6	Chi đầu tư khác				4.000	4.000	-	1.500	5.500	5.500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.6.1	San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quỹ đất (khu vực cánh đồng La Trao)	Toàn huyện	San lấp mặt bằng khoảng 27.146m2 và xây dựng hệ thống thoát nước bằng bê tông cốt thép dài khoảng 95m	128/NQ-HĐND ngày 10/8/2021	2.000	2.000		1.500	3.500	3.500	
4.6.2	Hỗ trợ làm đường GTNT trên địa bàn các xã, thị trấn	Toàn huyện			2.000	2.000			2.000	2.000	
4.7	Lĩnh vực quy hoạch				1.911	1.911	0	0	1.911	1.911	
4.7.1	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Krông Nô	Toàn huyện	Quy hoạch SD đất cấp huyện	3173/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	1.911	1.911			1.911	1.911	
4.8	Lĩnh vực kiến thiết thị chính				-	-	-	6.500	10.000	6.500	
4.8.1	Chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, cải tạo 02km vỉa hè và điện chiếu sáng đô thị.					6.500	10.000	6.500	Lồng ghép với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ
4.9	Lĩnh vực điện				-	-	-	1.900	7.000	1.900	
4.9.1	Đầu tư xây dựng đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho 02 thôn Phú Hòa và Phú Vinh, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	05km đường dây trung áp, 10km đường dây hạ áp và 03 trạm biến áp					1.900	7.000	1.900	Đổi ứng với nguồn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 1.900 trđ và CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 3.200 trđ.
5	Nguồn vốn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công					10.124	2.463			7.661	
III	NGUỒN TĂNG THU TIẾT KIỆM CHI THUỜNG XUYỀN VÀ TỈNH HỖ TRỢ				36.000	33.500	-	7.300	52.000	40.800	
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				36.000	33.500	-	7.300	52.000	40.800	
1.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				36.000	33.500	-	800	38.000	34.300	
1.1.1	Trường TH Hoàng Diệu	Xã Nam Đà	Nâng cấp, mở rộng sân trường	250/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.2	Trường THCS Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	211/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	5.000			5.000	5.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.3	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nâng cấp, mở rộng tường rào, nhà vệ sinh	1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2022	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.4	Trường THCS Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	230/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	5.000	2.500			5.000	2.500	
1.1.5	Trung tâm chính trị	Thị trấn Đắc Mâm	Kè chống sạt lở và nâng cấp mở, rộng sân bê tông	200/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.500	1.500			1.500	1.500	
1.1.6	Trường TH và THCS Nguyễn Việt Xuân	Xã Buôn Choah	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	248/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000			4.000	4.000	
1.1.7	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	252/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500	
1.1.8	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	226/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500	
1.1.9	Trường TH Võ Thị Sáu	Xã Đắc Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp 8 phòng 2 tầng	231/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000			4.000	4.000	
1.1.10	Trường MN Vàng Anh	xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp 6 phòng 2 tầng	1531/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	5.000	5.000			5.000	5.000	
1.1.11	Trường MN Hướng Dương	Xã Tân Thành	Nâng cấp, mở rộng tường rào, sân trường	227/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.12	Trường TH Bế Văn Đàn (phân hiệu Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng công, tường rào	249/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.13	Trường TH Bế Văn Đàn (phân hiệu Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	228/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500	
1.1.14	Trường tiểu học Kim Đồng	Xã Năm N'Đir	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ					400	1.000	400	Vốn đối ứng với nguồn tài trợ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.15	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ					400	1.000	400	Vốn đối ứng với nguồn tài trợ
1.2	Lĩnh vực Văn hóa				-	-	-	3.000	4.000	3.000	
1.2.1	Công chào điện tử, công hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Xây dựng 01 công chào điện tử; 03 công hoa, 02 cụm đèn led trang trí					3.000	4.000	3.000	Lồng ghép với nguồn ngân huyện
1.3	Lĩnh vực kiến thiết thị chính				0	0	0	3.500	10.000	3.500	
1.3.1	Chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, cải tạo 02km vỉa hè và điện chiếu sáng đô thị.					3.500	10.000	3.500	Lồng ghép với nguồn thu tiền sử dụng đất
IV	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẤP THIẾT ĐẦU TƯ NHƯNG CHƯA CÂN ĐỐI ĐƯỢC NGUỒN VỐN				275.592	-	3.000	-	272.592	0	
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				275.592	-	3.000	-	272.592	0	
1.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				24.000	-	-	-	24.000	0	
1.1.1	Trường TH Trần Phú.	TT Đăk Mâm	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng		4.000			0	4.000		
1.1.2	Trường MN Vàng Anh	Xã Nam Xuân	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng		4.000				4.000		
1.1.3	Trường TH Ngô Gia Tự	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.4	Trường THCS Tân Thành	Xã Tân Thành	04 phòng học bộ môn và thư viện		4.000				4.000		
1.1.5	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà đa năng		3.500				3.500		
1.1.6	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.7	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Nhà đa năng		3.500				3.500		
1.2	Lĩnh vực giao thông				154.500	-	-	-	154.500	0	
1.2.1	Đường giao thông thôn Phú Lợi đến điểm quy hoạch dân cư số 2	Xã Quảng Phú	2,8 Km mặt đường láng nhựa		8.000				8.000		
1.2.2	Đường quy hoạch nối giữa N15 đi Đ17	TT Đăk Mâm	0,5km		6.000				6.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.2.3	Đường Cao Sơn đi thôn Nam Tiến	xã Buôn Choáah	BT 0,82 km, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,5m		2.000				2.000		
1.2.4	Đường tránh lũ xã Buôn Choáah	xã Buôn Choáah	BT 3,2 km, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,5m		5.000				5.000		
1.2.5	Đường tránh thao trường diễn tập của lực lượng vũ trang tỉnh nổi khu tái định canh xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Nhựa hóa 5,582km, nền đường rộng 6m, mặt đường rộng 3,5m		20.000				20.000		
1.2.6	Đường chính khu vực Đ11e	TT Đăk Mâm	0,367 km đường đô thị		5.000				5.000		
1.2.7	Đường giao thông liên khu vực Đ7	TT Đăk Mâm	1,88km đường đô thị		20.000				20.000		
1.2.8	Đường giao thông liên khu vực Đ10e	TT Đăk Mâm	1,130km đường đô thị		15.000				15.000		
1.2.9	Đường giao thông liên khu vực Đ10c, Đ10d	TT Đăk Mâm	2,425km đường đô thị		30.000				30.000		
1.2.10	Nâng cấp đường Nam Đà đi Ba Buôn Đăk Mâm (ĐH61)	Xã Nam Đà, TT Đăk Mâm	4,3km đường giao thông		15.000				15.000		
1.2.11	Nâng cấp đường Quốc lộ 28 đi thôn 2, xã Quảng Phú (ĐH63)	Xã Quảng Phú	6km đường giao thông		20.000				20.000		
1.2.12	Đường thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang (khu vực người dân sáng chi)	Xã Đăk Nang	900m đường giao thông		2.000				2.000		
1.2.13	Nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 28 đi tỉnh lộ 3	Xã Nam Đà	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng 2,5km đường nhựa		6.500				6.500		
1.3	Lĩnh vực cấp, thoát nước				11.558				11.558		
1.3.1	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung thôn Cao Sơn	Xã Buôn Choah	256 hộ		4.658				4.658		
1.3.2	Nâng cấp công trình sinh hoạt thôn Đăk Ri	Tân Thành	120 hộ		3.900				3.900		
1.3.3	Cấp nước tập trung thôn Nam Sơn	Xã Nam Xuân	Cấp nước cho 160 hộ		3.000				3.000		
1.4	Lĩnh vực Thủy lợi				24.634				24.634		
1.4.1	Công tiêu qua kênh tiêu cánh đồng Đăk Rền, xã Năm N'Đir	Năm N'Đir	03 công tiêu		950				950		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.4.2	Nạo vét hệ thống kênh tiêu cánh đồng Đắc Rền, xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	3000m		3.200				3.200		
1.4.3	Thủy lợi hồ Đắc Na 1 (Khu làng Dao)	Xã Tân Thành	Đập (hồ chứa)		7.000				7.000		
1.4.4	Nạo vét kênh tiêu cánh đồng Buôn Lang, Quảng Phú	Xã Quảng Phú	950m		2.100				2.100		
1.4.5	Nâng cấp kênh đất cánh đồng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	1500m		2.184				2.184		
1.4.6	Trạm bơm điện cánh đồng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Một trạm bơm		4.900				4.900		
1.4.7	Kênh tưới khu vực cù lao cánh đồng thôn 1 xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	1200m		4.300				4.300		
1.5	Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao				52.400	-	3.000	-	49.400	0	
1.5.1	Trung tâm VH TT huyện Krông Nô	TT Đắc Mâm	Nhà làm việc TTVH TT		12.000				12.000		
1.5.2	Khu liên hợp thể thao huyện	TT Đắc Mâm	Nhà thi đấu, sân quần vợt, sân bóng chuyền, cầu lông, hệ thống điện chiếu sáng..		12.000				12.000		
1.5.3	Sân vận động huyện Krông Nô	TT Đắc Mâm	Tổng diện tích 2,5 ha bao gồm khu vực khán đài, sân khấu ngoài trời, nhà vệ sinh, phòng thay đồ, cây xanh, điện chiếu sáng, hàng rào...		15.000				15.000		
1.5.4	Nhà văn hóa xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Hội trường 200 chỗ ngồi		3.000		3.000				Đã bố trí được vốn
1.5.5	Nhà văn hóa thôn Nam Nghĩa	Thôn Nam Nghĩa, xã Nam Đă	Nhà văn hóa, cổng, tường rào, nhà vệ sinh		1.200				1.200		
1.5.6	Nhà văn hóa thôn Nam Hà	Thôn Nam Hà, xã Nam Đă	Nhà văn hóa, cổng, tường rào, nhà vệ sinh		1.200				1.200		
1.5.7	Nhà văn hóa thôn Nam Thạnh	Thôn Nam Thạnh, xã Nam Đă	Nhà văn hóa, cổng, tường rào, nhà vệ sinh		1.200				1.200		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.5.8	Nhà văn hóa bon Yôk Ju	Bon Yôk Ju, xã Năm Nung	Nhà văn hóa, công, tường rào, nhà vệ sinh		1.500				1.500		
1.5.9	Nhà văn hóa thôn Đăk Hoa	Thôn Đăk Hoa - Tân Thành	Làm mới + công tường rào		1.000				1.000		
1.5.10	Nhà văn hóa thôn Đăk Lưu	Thôn Đăk Lưu - Tân Thành	Nâng cấp, mở rộng hội trường		600				600		
1.5.11	Nhà văn hóa thôn Đăk Ri	Thôn Đăk Ri - Tân Thành	Nâng cấp, mở rộng hội trường		600				600		
1.5.12	Nhà văn hóa thôn Đăk Rô	Thôn Đăk Rô - Tân Thành	Nâng cấp, mở rộng hội trường		600				600		
1.5.13	Nhà văn hóa thôn Xuyên Hải	Xã Đức Xuyên			500				500		
1.5.14	Nhà văn hóa thôn Xuyên Tân	Xã Đức Xuyên			500				500		
1.5.15	Nhà văn hóa thôn Xuyên An	Xã Đức Xuyên			500				500		
1.5.16	Nhà văn hóa thôn Xuyên Nghĩa	Xã Đức Xuyên			500				500		
1.5.17	Nhà văn hóa Bon Choih	Xã Đức Xuyên			500				500		
1.6	Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng				8.500	-	-	-	8.500	0	
1.6.1	Nâng cấp, sửa chữa thao trường bắn của lực lượng vũ trang huyện	Xã Đăk Drô	Lu lèn, mương thoát nước, hầm báo bia,...		1.000				1.000		
1.6.2	Đường vành đai nội bộ Ban chỉ huy quân sự huyện	Thị trấn Đăk Mâm	Đường bê tông dài 1km		1.500				1.500		
1.6.3	Thao trường huấn luyện cụm xã phía Bắc	Xã Nam Đà			2.000				2.000		
1.6.4	Kho vật chất khu căn cứ hậu phương của huyện	Năm Nung			4.000				4.000		

Số: /NQ-HĐND

Krông Nô, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công giai đoạn 2021-2025
và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
nguồn vốn ngân sách cấp huyện**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ
KHÓA VIII KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô về điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND, ngày / /2022 của UBND huyện Krông Nô về việc xin điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND, ngày / /2022 của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao cho Ủy ban Nhân dân huyện triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Xây dựng và các văn bản quy định hiện hành.

2. Giao cho Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban Hội đồng Nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện có nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được HĐND huyện Krông Nô khoá VIII kỳ họp thứ 4 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp, Tài chính, KH&ĐT;
- TT Huyện uỷ, TT HĐND huyện;
- Ban Kinh tế - Xã hội, Pháp chế HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- VP. HĐND& UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Quốc